

QUYẾT ĐỊNH

**Đính chính Tiêu chí số 02 - Giao thông tại Quyết định số 1428/QĐ-UBND
ngày 02/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 927/SGTVT-KCHT ngày 16/6/2017 về việc đề nghị đính chính nội dung tên tiêu chí số 02 (giao thông) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020, Công văn số 12/BCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc đính chính tiêu chí 02 – Giao thông tại Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh Sơn La,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính tiêu chí số 02 - Giao thông tại Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2020 như sau:

1. Tiêu chí Giao thông gồm 04 chỉ tiêu: 2.1. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; 2.2. Tỷ lệ đường trục bản, tiểu khu và đường liên bản, tiểu khu ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa; 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

2. Nội dung đạt chuẩn từng chỉ tiêu

- Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc rải nhựa, trong đó: Khu vực I $\geq 70\%$; Khu vực II $\geq 60\%$; Khu vực III $\geq 50\%$.

- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường trục bản, tiểu khu và đường liên bản, tiểu khu ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Khu vực I, II được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc rải nhựa $\geq 50\%$; Khu vực III được cứng hóa bằng vật liệu sẵn có (cấp phối, sỏi cuội, đá tận dụng...) $\geq 50\%$.

- Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Đạt 100%; trong đó có 50% được cứng hóa bằng vật liệu sẵn có (cấp phối, sỏi cuội, đá tận dụng...).

- Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Được cứng hóa 10% mặt đường một số vị trí có độ dốc dọc lớn, bằng vật liệu sẵn có (cấp phối, sỏi cuội, đá tận dụng...).

(Chi tiết có phụ biểu gửi kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ tướng các Sở, ban, ngành của tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Văn phòng Điều phối NTM TW(b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND TTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Như Điều 3;
- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh;
- TT các Huyện ủy, Thành ủy;
- Công an tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Bộ CHQS tỉnh, Bộ CHBĐ Biên phòng tỉnh; Điện lực Sơn La;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Báo Sơn La, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo Sơn La;
- Lưu: VT, Mạnh KT, 68 bản.



CHỦ TỊCH

Cầm Ngọc Minh



PHỤC BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG TIÊU CHÍ SỐ 02

(Kèm theo Quyết định số: 1834 /QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	Được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc rải nhựa, trong đó: Khu vực I $\geq 70\%$; Khu vực II $\geq 60\%$; Khu vực III $\geq 50\%$.	Sở Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ đường trục bản, tiểu khu và đường liên bản, tiểu khu ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	Khu vực I, II được cứng hóa bằng bê tông xi măng hoặc rải nhựa $\geq 50\%$; Khu vực III được cứng hóa bằng vật liệu sẵn có (cấp phối, sỏi cuội, đá tận dụng...) $\geq 50\%$.	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	Đạt 100%; trong đó có 50% được cứng hóa bằng vật liệu sẵn có (cấp phối, sỏi cuội, đá tận dụng...).	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	Được cứng hóa 10% mặt đường một số vị trí có độ dốc dọc lớn, bằng vật liệu sẵn có (cấp phối, sỏi cuội, đá tận dụng...).	